

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

ThS TRẦN LINH HUÂN

Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Commercial Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

LÊ THỊ CHÂU GIANG

Công ty Luật TNHH Hằng Luật Thành Nam
Thanh Nam Law Firm LLC

Email: chaudiangle.0503@gmail.com

Tóm tắt

Pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp không chỉ đảm bảo sự phát triển kinh tế mà còn bảo vệ sức khỏe cộng đồng và hệ sinh thái tự nhiên. Môi trường trong sản xuất nông nghiệp vừa là điều kiện sống, vừa là đối tượng bị tác động bởi các hoạt động khai thác tài nguyên của con người, do đó việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này là vô cùng cần thiết. Xuất phát từ đó, bài viết tập trung làm rõ vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, đánh giá thực trạng pháp luật điều chỉnh về vấn đề này tại Việt Nam hiện nay và từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: bảo vệ môi trường, sản xuất nông nghiệp, pháp luật, thực trạng, kiến nghị

Abstract

Environmental protection laws in agricultural production not only ensure economic development but also safeguard public health and natural ecosystems. In agricultural production, the environment serves as both a living condition and an object affected by human resource exploitation activities. Therefore, it is crucial to improve legal frameworks in this field. The article focuses on clarifying the role of environmental protection law in agricultural production, evaluating the current state of related legal regulations in Vietnam, and offering several recommendations for improvement.

Keywords: environmental protection, agricultural production, law, current status, recommendations

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.360>

Ngày nhận bài: 14/01/2025

Ngày duyệt đăng: 17/7/2025

Sản xuất nông nghiệp (SXNN) là hoạt động của con người, sử dụng cây trồng hoặc vật nuôi để sản xuất ra sản phẩm nhằm duy trì, nâng cao đời sống của con người, góp phần phát triển kinh tế xã hội.¹ Bảo vệ môi trường (BVMT) là trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả các cá nhân, tổ chức trong xã hội,² trong SXNN hoạt động BVMT giúp duy trì sự cân bằng sinh thái, bảo vệ các loài động, thực vật và vi sinh vật, từ đó đảm bảo tính bền vững của môi trường tự nhiên.³ Tuy nhiên, quá trình SXNN hiện nay đang đặt ra nhiều thách thức lớn đối với môi trường, từ việc sử dụng hóa chất không kiểm soát, chất thải nông nghiệp

1 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Tài liệu tập huấn phát triển cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội, 2024, tr. 20

2 Đỗ Thị Hương, *Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2020, tr. 45

3 Khuat Hong Thuan, Dinh Tran Ngoc Hien, Dinh Tran Ngoc Huy, Le Ngoc Nuong, “Legal issues on environment protection and sustainable agriculture – A case in the northern regions of Vietnam”, *Journal of Law and Sustainable Development*, Vol. 11(6), 2023, tr. 2, DOI: <https://doi.org/10.55908/sdgs.v11i6.1219>

không được xử lý hiệu quả, đến tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức.⁴ Những tác động tiêu cực này không chỉ ảnh hưởng đến môi trường mà còn đe dọa sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp.⁵

Môi trường và SXNN luôn tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ, sự phát triển nông nghiệp thiếu bền vững sẽ tác động tiêu cực đến môi trường, trong khi suy thoái môi trường lại cản trở chính quá trình SXNN.⁶ Pháp luật BVMT trong SXNN tạo nền tảng pháp lý quan trọng để tăng cường hiệu quả BVMT.⁷ Đặc biệt, hệ thống quy phạm pháp luật về BVMT trong SXNN giúp định hướng hành vi của các chủ thể, đảm bảo việc sử dụng tài nguyên tự nhiên một cách an toàn, tiết kiệm, có duy trì và phục hồi, giảm thiểu ô nhiễm và chất thải, khuyến khích sử dụng các phương pháp nông nghiệp bền vững trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật môi trường đã góp phần vào việc thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững.⁸

Hiện nay, tuy hệ thống pháp luật BVMT trong lĩnh vực nông nghiệp đã có bước tiến đáng kể, song thực tế triển khai đã cho thấy hệ thống quy định pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại những vấn đề còn hạn chế, bất cập nhất định. Do đó, việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật BVMT trong hoạt động SXNN, chỉ ra những bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện là hết sức cần thiết. Điều này nhằm góp phần hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp, BVMT và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.⁹

1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nông sản xuất nghiệp tại Việt Nam hiện nay

Việc điều chỉnh về vấn đề BVMT trong hoạt động nông nghiệp đã được quy định trong Luật BVMT năm 2020, Luật Trồng trọt năm 2018, Luật Chăn nuôi năm 2018, Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan. Điều này đã tạo được một khung pháp lý cần thiết, đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động SXNN đối với môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, quá trình

4 Tran Thi Thuy Duong, “Harmonisation between trade liberalisation and environmental protection – A long way to go? An analysis of Vietnam’s debris importation control in light of WTO and CPTPP rules”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 06(01), 2022, tr. 19, DOI: <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0002>.

5 Shreyas Pande, Amit Kr Yadav, Dr. S P Mishra, Dr. Mohit Mishra, Dr. Dharmendra Kr Dubey, “The impact of environmental regulations on agriculture”, *International Journal of Advanced Research in Science, Communication and Technology (IJARSCT)*, Vol. 3(2), 2023, tr. 326, DOI: <https://ijarsct.co.in/Paper9138.pdf>

6 Liron Amdur, Elke Bertke, Jan Freese, Rainer Marggraf, “Agri-environmental policy measures in Israel: The potential of using market-oriented instruments”, *Journal Environmental Management*, Vol. 47, 2011, tr. 860, DOI: <https://doi.org/10.1007/s00267-011-9655-y>

7 Pinyi Su, Muhammad Imran, Muhammad Nadeem, Shamsheer ul Haq, “The role of environmental law in farmers’ environment-protecting intentions and behavior based on their legal cognition: A case study of Jiangxi Province, China”, *Journal Sustainability*, Vol.15(11), 2023, tr. 2, DOI: <https://doi.org/10.3390/su15118571>

8 Alon Tal, “To make a desert bloom: The Israeli agricultural adventure and the quest for sustainability”, *Journal Agricultural History*, Vol. 81(2), 2007, tr. 228, DOI: <https://www.jstor.org/stable/4617826>

9 Tran Linh Huan, Lê Phạm Anh Tho, “Environmental protection laws in construction activities in Vietnam – Current situation and recommendations for improvement”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 10(01), 2024, tr. 99, DOI: <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0006>

thực thi các quy định này vẫn còn bộc lộ những vấn đề còn hạn chế, bất cập nhất định khi một số quy định còn chung chung và chưa giải quyết hiệu quả các vấn đề BVMT trong SXNN hiện nay. Có thể kể đến một số hạn chế cụ thể như sau.

Thứ nhất, quy định về quan trắc môi trường (QTMT) chưa cụ thể, rõ ràng và chưa có quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động này đối với tổ chức, cá nhân SXNN. QTMT là việc theo dõi liên tục, định kỳ, đột xuất, có hệ thống về thành phần môi trường, các nhân tố tác động đến môi trường, chất thải nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng môi trường, diễn biến chất lượng môi trường và tác động xấu đến môi trường.¹⁰ Đây là hoạt động mang ý nghĩa quan trọng trong việc BVMT nông nghiệp, là công cụ để kiểm soát chất lượng môi trường, kiểm soát ô nhiễm phục vụ hoạt động BVMT và phát triển môi trường bền vững.¹¹ Tuy nhiên, quy định pháp luật về QTMT tồn tại một số bất cập sau:

Một là, về chủ thể có trách nhiệm thực hiện quan trắc, Luật BVMT năm 2020 không quy định rõ chủ thể nào buộc phải thực hiện QTMT nông nghiệp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình QTMT phục vụ quản lý nông nghiệp gồm các chương trình quan trắc nước, đất, trầm tích phục vụ mục đích thủy lợi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp. Cũng theo khoản 3 Điều 106 Luật BVMT năm 2020 thì tổ chức, cá nhân được khuyến khích tham gia QTMT và công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng theo quy định của pháp luật. Như vậy, quy định về chủ thể thực hiện QTMT nông nghiệp chưa được quy định rõ, hai quy định trên nằm ở hai điều luật khác nhau dẫn đến sự rời rạc và không đồng bộ của quy định pháp luật. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật BVMT năm 2020, QTMT được thực hiện thông qua quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ, quan trắc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành lại không có quy chế kiểm tra, giám sát tần suất quan trắc theo định kỳ, thường xuyên, liên tục và đối với tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia QTMT, trừ những chủ thể bắt buộc phải thực hiện quan trắc trong lĩnh vực theo quy định thì được giám sát bởi cơ quan quản lý môi trường ở địa phương. Với tính chất quan trọng của QTMT, cần có một điều luật quy định cụ thể trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện QTMT của chủ thể tham gia SXNN.

Hai là, phạm vi đối tượng phải quan trắc nước thải tương đối hẹp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật BVMT năm 2020, đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: (i) khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường; (ii) dự án đầu tư, cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với lưu lượng xả nước thải trung bình trở lên ra môi trường; (iii) dự án đầu tư, cơ sở không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường. Đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật này bao gồm: (i) khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường và (ii) dự án đầu tư, cơ sở có lưu

10 Khoản 25 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

11 Hoàng Quốc Lâm, “Pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc đảm bảo phát triển bền vững”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 3, 2022, tr. 5.

lượng xả nước thải lớn ra môi trường. Có thể thấy, các đối tượng trên được quy định chung chung, không cụ thể, chi tiết, ngoài ra, các trang trại chăn nuôi và trang trại nuôi trồng thủy sản quy mô lớn không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải dù hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng cũng thải một lượng nước thải rất lớn ra môi trường. Nhìn chung, QTMT nông nghiệp chưa được chú trọng dù QTMT nông nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn chất lượng nông sản và BVMT.

Ba là, hệ thống văn bản pháp luật cho hoạt động QTMT nông nghiệp chưa đầy đủ. Hiện nay, các nhiệm vụ QTMT ngành nông nghiệp đang thực hiện quan trắc theo hướng dẫn của Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định về kỹ thuật QTMT và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy trình kỹ thuật QTMT. Đối với lĩnh vực thủy sản, ngoài việc áp dụng thông tư nêu trên, các đơn vị cũng đang thực hiện quan trắc theo hướng dẫn tại Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS; Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28/12/2021 của Tổng cục Thủy sản về việc hướng dẫn quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025. Như vậy, lĩnh vực QTMT của ngành nông nghiệp hiện nay đang thiếu các văn bản, thông tư, hướng dẫn chi tiết về chương trình quan trắc của từng lĩnh vực, đặc biệt là cho lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Ở địa phương, hệ thống QTMT chủ yếu được thực hiện với các chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo sản xuất và cảnh báo dịch bệnh, các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng môi trường chung còn thiếu tính đồng bộ. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong công tác tổng hợp cơ sở dữ liệu về môi trường của ngành nông nghiệp, một số lĩnh vực hiện còn chưa thực hiện các chương trình quan trắc của ngành như trồng trọt, chăn nuôi. Phương pháp thực hiện quan trắc giữa các văn bản hướng dẫn của ngành nông nghiệp còn thiếu tính thống nhất nên kết quả quan trắc của cùng một chỉ tiêu, tại cùng một địa bàn cũng thiếu tính thống nhất, các hệ thống quan trắc của địa phương, ngành với quốc gia khó tận dụng kết quả của nhau, dữ liệu QTMT ở địa phương cũng chưa được chia sẻ kịp thời với các đơn vị chuyên ngành.¹² Ngoài ra, hệ thống các quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật trong QTMT nông nghiệp cũng chưa đồng bộ và còn tồn tại nhiều bất cập. Chẳng hạn như trong lĩnh vực thủy sản, việc đánh giá chỉ số chất lượng cho vùng nuôi trồng được đánh giá trên nền nước sinh hoạt do pháp luật thiếu phần quy định chất lượng nước phục vụ nuôi thủy sản. Các quy định về chất lượng nước cấp, nước thải nuôi trồng thủy sản chưa đồng bộ và đầy đủ cho các đối tượng thủy sản nuôi.¹³

Thứ hai, các quy định pháp luật liên quan đến BVMT trong canh tác và quản lý nông nghiệp còn thiếu chi tiết. Cụ thể, Luật Trồng trọt năm 2018 quy

12 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Dự thảo Thuyết minh xây dựng Chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành nông nghiệp đến năm 2030*, 2024, tr. 5.

13 Tạ Thị Thùy Trang, “Một số bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 23(399), 2019, tr. 43,

định việc sử dụng tài nguyên đất, nước và sinh vật có ích trong canh tác phải đảm bảo hiệu quả và BVMT. Tuy nhiên, các quy định này mang tính nguyên tắc, chưa cụ thể hóa và thiếu cơ chế giám sát, dẫn đến việc thực hiện không nghiêm túc. Việc quản lý hợp lý tài nguyên trong canh tác là yếu tố then chốt để BVMT nhưng luật hiện hành chưa thực sự chú trọng vấn đề này. Bên cạnh đó, liên quan đến vấn đề quản lý và sử dụng phân bón, thuốc BVTV, pháp luật đặt ra yêu cầu việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) phải tuân thủ quy định về chất lượng và liều lượng nhằm giảm tác động xấu đến môi trường và đảm bảo an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, quy định về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng chỉ dừng ở mức sơ sài, không có hướng dẫn cụ thể hoặc cơ chế giám sát, điều này dẫn đến tình trạng sử dụng sai quy định, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Mặc khác, về vấn đề quản lý mã số vùng trồng, mã số vùng trồng là công cụ giúp theo dõi, kiểm soát quá trình sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chỉ dừng lại ở việc quy định đăng ký mã số vùng trồng là mang tính tự nguyện chứ không bắt buộc, điều này không chỉ gây khó khăn cho quản lý tại địa phương mà còn chưa khai thác hết tiềm năng của công cụ này trong BVMT. Việc chưa tận dụng triệt để mã số vùng trồng làm giảm hiệu quả quản lý môi trường trong hoạt động SXNN và ảnh hưởng đến chất lượng nông sản xuất khẩu. Nhìn chung, các quy định pháp luật hiện hành còn thiếu chi tiết và triệt để, điều này dẫn đến những hạn chế trong việc BVMT trong hoạt động SXNN và phát triển bền vững.

Thứ ba, quy định pháp luật về thu gom, xử lý phụ phẩm và chất thải trong nông nghiệp còn thiếu cụ thể, rời rạc và không đồng bộ. Cụ thể, về vấn đề thu gom, xử lý phụ phẩm trồng trọt, theo Luật Trồng trọt năm 2018, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, tuy nhiên quy định này mang tính khuyến khích, không bắt buộc thực hiện. Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT chỉ quy định chung về cách thức xử lý mà thiếu chi tiết về trách nhiệm cụ thể và cơ chế quản lý, giám sát từ cơ quan nhà nước, dẫn đến hiệu quả thấp trong thực tế. Về vấn đề xử lý chất thải chăn nuôi, Luật Chăn nuôi năm 2018 yêu cầu xử lý chất thải chăn nuôi trang trại phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, nhưng không áp dụng tương tự với chăn nuôi nông hộ, gây bất cập trong quản lý. Ngoài ra, chi phí xử lý theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT cao, đặc biệt đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, khiến việc tuân thủ trở nên khó khăn. Khí thải chăn nuôi cũng chưa có quy chuẩn riêng, làm thiếu hụt cơ sở pháp lý trong xử lý.¹⁴ Về xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản, Luật Thủy sản năm 2017 không có quy định riêng về xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản. Việc áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT vốn dành cho nước thải công nghiệp gây nhiều khó khăn do không phù hợp với thực tế nuôi trồng thủy sản. Như vậy, việc các quy định hiện hành chưa đồng bộ, thiếu thực tế đã gây khó khăn trong áp dụng và quản lý, do đó cần sớm sửa đổi để nâng cao hiệu quả BVMT trong nông nghiệp.

14 Nguyễn Huỳnh Anh Như, “Bàn về quy định pháp luật bảo vệ môi trường không khí tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, số 14, 2021, tr. 23.

Thứ tư, chưa quy định thiết lập các cơ chế ưu đãi tài chính và hỗ trợ kỹ thuật dành riêng cho việc BVMT trong lĩnh vực này. Hiện nay, mặc dù pháp luật môi trường Việt Nam đã bước đầu đặt nền tảng cho việc BVMT trong hoạt động SXNN thông qua các quy định mang tính nguyên tắc và định hướng trong Luật BVMT năm 2020,¹⁵ song vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng kể, đặc biệt là trong việc thiết lập các cơ chế ưu đãi tài chính và hỗ trợ kỹ thuật dành riêng cho lĩnh vực này. Cụ thể, các quy định của pháp luật hiện hành chưa đưa ra những chính sách rõ ràng và cụ thể liên quan đến việc miễn, giảm thuế, hỗ trợ tín dụng hoặc cấp kinh phí đối với các tổ chức, cá nhân áp dụng công nghệ sạch, sử dụng vật tư nông nghiệp thân thiện với môi trường hay chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng sinh thái trong hoạt động SXNN. Đồng thời, pháp luật cũng chưa xây dựng được một hệ thống hỗ trợ kỹ thuật hiệu quả nhằm hướng dẫn nông dân tiếp cận và áp dụng các phương pháp sản xuất an toàn, bền vững, như các chương trình đào tạo, chuyển giao công nghệ hoặc phổ biến kinh nghiệm thực tiễn. Việc thiếu vắng những quy định cụ thể và khả thi này khiến cho chủ thể SXNN gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn lực và kiến thức cần thiết để thực hiện trách nhiệm BVMT một cách hiệu quả, từ đó làm giảm tính khả thi trong việc thực thi các mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững mà pháp luật đã định hướng.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Để khắc phục những vấn đề còn hạn chế, bất cập đang tồn tại, cũng như nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về BVMT trong hoạt động SXNN, cần xem xét thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về hoạt động QTMT. Để nâng cao hiệu quả BVMT trong SXNN, chúng ta nên xem hoạt động QTMT là hoạt động bắt buộc thực hiện và quy định cụ thể về trách nhiệm QTMT của các chủ thể SXNN. Cụ thể, cần bổ sung điều khoản quy định về chủ thể thực hiện QTMT trong Luật BVMT năm 2020. Điều khoản bổ sung về chủ thể thực hiện hoạt động QTMT có thể được quy định như sau: “Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất có quy mô vừa và lớn, dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải ra môi trường có trách nhiệm thực hiện QTMT, bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường, công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân QTMT và công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin”. Khi đã xác định việc QTMT là hoạt động bắt buộc đối với những chủ thể sản xuất, trong đó có SXNN thì Nhà nước cần phải ban hành thêm những văn bản dưới luật để hướng dẫn thi hành, quy định rõ ràng về quy trình quan trắc, phương thức quan trắc đối với các loại tài nguyên khác nhau và hướng dẫn người dân lắp đặt hệ thống quan trắc tự động hoặc quan trắc thủ công, đảm bảo hoạt động QTMT phải đạt chất lượng, cung cấp kết quả quan trắc chính xác, tin cậy, phản ánh đúng tình hình môi trường. Việc quy định cụ thể về trách nhiệm QTMT đối với chủ thể SXNN sẽ nâng cao ý thức của người

15 Điều 61 Luật BVMT năm 2020.

dân trong BVMT nông nghiệp, SXNN không chỉ thu lại lợi nhuận cho bản thân mà còn phải gắn liền với BVMT thì nông nghiệp mới phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, cũng cần mở rộng phạm vi đối tượng phải quan trắc nước thải, cụ thể là bổ sung đối tượng là cơ sở SXNN xả nước thải ra môi trường tại khoản 1, 2 Điều 111 Luật BVMT năm 2020. Theo quy định bổ sung này thì các cơ sở, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có mức xả thải lớn sẽ thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, như vậy sẽ kiểm soát được chất lượng nước thải thải ra ngoài môi trường, kịp thời giải quyết nếu như nước thải vượt quá quy chuẩn quy định. Hơn nữa, cần tiếp tục ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể hóa về hoạt động QTMT của từng lĩnh vực, đặc biệt là cho lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Hệ thống văn bản pháp luật QTMT nông nghiệp phải thống nhất từ trung ương đến địa phương để giải quyết tình trạng thực hiện quan trắc, giúp đối phó hoặc để phục vụ chỉ đạo sản xuất và cảnh báo dịch bệnh. Ngoài ra, cần quy định cụ thể hoạt động QTMT trong hoạt động nông nghiệp phải được thực hiện định kỳ, thường xuyên nhằm đảm bảo theo dõi sát sao để kiểm soát được tình hình môi trường trong SXNN.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về BVMT trong hoạt động canh tác và quản lý vùng trồng trọt. Về trách nhiệm sử dụng tài nguyên, cần ban hành quy định chi tiết về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc sử dụng tài nguyên nông nghiệp, đồng thời xác định vai trò của cơ quan nhà nước trong hướng dẫn và giám sát, cũng như xác định rõ vai trò của chính quyền địa phương trong việc đưa ra giải pháp sử dụng tài nguyên linh hoạt theo điều kiện thực tế. Việc đưa ra các quy định cụ thể trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cũng như xác định vai trò của cơ quan nhà nước sẽ giúp các chủ thể dễ dàng áp dụng và tuân thủ.

Về sử dụng phân bón, cần bổ sung quy định khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ để đảm bảo an toàn cho nông sản và môi trường bởi phân bón hữu cơ bền vững hơn phân bón vô cơ vì giúp cải tạo đất, giảm chi phí thuốc BVTV và tăng hiệu quả canh tác. Đồng thời, cần có các quy định khuyến khích cá nhân, tổ chức phải thay đổi thói quen sử dụng phân bón tự phát, chuyển sang cách tiếp cận khoa học hơn để phát triển nông nghiệp bền vững.

Về quản lý vùng trồng, pháp luật cần quy định lại theo hướng nên bắt buộc các trang trại vừa và lớn đăng ký mã số vùng trồng để theo dõi hoạt động sản xuất, bao gồm loại phân bón, thuốc BVTV và biện pháp quản lý vi sinh vật. Chủ cơ sở phải cập nhật nhật ký canh tác trên hệ thống, cung cấp thông tin định kỳ để cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý vi phạm nếu có.¹⁶ Quy định này sẽ giúp góp phần quản lý vùng trồng kịp thời và sát với tình hình thực tế, từ đó giúp tăng cường tính hiệu quả về BVMT trong hoạt động SXNN.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thu gom, xử lý và sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp. Cụ thể, về thu gom, xử lý và sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, cần ban hành thông tư mới hướng dẫn điều chỉnh việc thu gom, xử lý và sử dụng phụ phẩm từ cây trồng, chăn nuôi và thủy sản. Theo đó, thông tư cần làm rõ được các vấn đề về phương pháp thu gom, xử lý và bảo quản phụ phẩm; tiêu chuẩn và công cụ đánh giá chất lượng sử dụng phụ phẩm; quy trình

16 Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Tăng cường thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 300, 2021, tr. 67.

chế biến phụ phẩm thành sản phẩm có giá trị; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước trong việc giám sát, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động này; cũng như cần có quy định hướng dẫn cụ thể cho từng loại phụ phẩm để tránh tình trạng người dân chôn lấp, đốt hoặc xả chất thải ra môi trường.

Về xử lý nước thải chăn nuôi, cần quy định sửa đổi khoản 1 Điều 60 Luật Chăn nuôi năm 2018 theo hướng yêu cầu xử lý nước thải chăn nuôi phải đáp ứng quy chuẩn QCVN 62:2016/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Cụ thể: “1. Có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường, tuân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.” Đồng thời, cần bổ sung quy định xử lý khí thải chăn nuôi và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khí thải chăn nuôi để hoàn thiện pháp luật BVMT trong SXNN. Đối với quy định thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi cần xác định rõ các mô hình cụ thể phù hợp với điều kiện Việt Nam, cũng như phải thiết lập ràng buộc trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ người dân thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi nếu họ không đủ điều kiện tự lắp đặt hệ thống xử lý.

Về xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản, hiện quy chuẩn nước thải công nghiệp áp dụng cho nuôi trồng thủy sản không phù hợp. Do đó, để khắc phục tình trạng này, về ngắn hạn cần dừng áp dụng QCVN nước thải công nghiệp, thay vào đó áp dụng QCVN 62:2021/BTNMT về nước thải chăn nuôi, việc áp dụng biện pháp ngắn hạn giúp các chủ nuôi trồng thủy sản giải quyết khó khăn tạm thời trong khi chờ đợi quy chuẩn mới được hoàn thiện. Về dài hạn, cần sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật riêng cho nước thải nuôi trồng thủy sản để việc áp dụng đạt được tính hiệu quả tối ưu.

Thứ tư, cần quy định thiết lập cụ thể, rõ ràng, trực tiếp các cơ chế ưu đãi tài chính và hỗ trợ kỹ thuật dành riêng cho việc BVMT trong SXNN. Để khắc phục những hạn chế đang tồn tại và hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về BVMT trong hoạt động SXNN, phải bổ sung các quy định pháp lý cụ thể, khả thi và có tính thực tiễn cao về cơ chế ưu đãi tài chính cũng như hỗ trợ kỹ thuật cho các chủ thể sản xuất. Trước hết, pháp luật môi trường cần quy định rõ về các hình thức ưu đãi tài chính như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, công nghệ xử lý chất thải, phân bón hữu cơ hoặc vật tư sinh học thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ tiếp cận tín dụng ưu đãi thông qua các quỹ BVMT, quỹ phát triển nông nghiệp bền vững hoặc các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, với điều kiện vay phù hợp và quy trình xét duyệt đơn giản, minh bạch. Đồng thời, pháp luật môi trường cũng cần thiết lập các quy định cụ thể về hỗ trợ kỹ thuật như tổ chức các khóa tập huấn, hướng dẫn thực hành sản xuất sạch, chuyển giao công nghệ xanh, xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn môi trường trong nông nghiệp và phổ biến thông tin về mô hình sản xuất tiên tiến. Việc thể chế hóa các nội dung này thành các quy định pháp luật cụ thể sẽ không chỉ góp phần cụ thể hóa định hướng phát triển nông nghiệp xanh mà còn tạo động lực pháp lý rõ ràng để các chủ thể sản xuất chủ động nâng cao năng lực BVMT, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững và hiệu quả của nền nông nghiệp nước ta trong dài hạn. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Liron Amdur, Elke Bertke, Jan Freese, Rainer Marggraf, “Agri-environmental policy measures in Israel: The potential of using market-oriented instruments”, *Journal Environmental Management*, Vol. 47, 2011, DOI: <https://doi.org/10.1007/s00267-011-9655-y>
- [2] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Tài liệu tập huấn phát triển cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội, 2024 [trans: Ministry of Agriculture and Rural Development, *Training materials on community development in new rural construction*, Hanoi, 2024]
- [3] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Dự thảo Thuyết minh xây dựng Chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành nông nghiệp đến năm 2030*, 2024 [trans: Ministry of Agriculture and Rural Development, *Draft explanation for developing the environmental monitoring program serving agricultural sector management until 2030*, 2024]
- [4] Tran Thi Thuy Duong, “Harmonisation between trade liberalisation and environmental protection – A long way to go? An analysis of Vietnam’s debris importation control in light of WTO and CPTPP rules”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 06(01), 2022, DOI: <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0002>
- [5] Tran Linh Huan, Lê Phạm Anh Tho, “Environmental protection laws in construction activities in Vietnam – Current situation and recommendations for improvement”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 10(01), 2024, DOI: <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0006>
- [6] Nguyễn Thị Thanh Huyền, “Tăng cường thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 300, 2021 [trans: Nguyen Thi Thanh Huyen, “Enhancing Environmental Protection Law Enforcement for Sustainable Development”, *State Management Journal*, Issue 300, 2021]
- [7] Đỗ Thị Hương, *Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 [trans: Do Thi Huong, *Improving Environmental Protection Laws on Water Resources in Vietnam Today*, Doctoral Dissertation, Ho Chi Minh National Academy of Politics, 2020]
- [8] Hoàng Quốc Lâm, “Pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc đảm bảo phát triển bền vững”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 3, 2022 [trans: Hoang Quoc Lam, “Environmental Protection Law in Ensuring Sustainable Development”, *Vietnam Lawyers Journal*, Issue 3, 2022]
- [9] Nguyễn Huỳnh Anh Nhu, “Bàn về quy định pháp luật bảo vệ môi trường không khí tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công thương*, số 14, 2021 [trans: Nguyen Huynh Anh Nhu, “Discussion on Current Air Environmental Protection Laws in Vietnam”, *Industry and Trade Journal*, Issue 14, 2021]
- [10] Shreyas Pande, Amit Kr Yadav, Dr. S P Mishra, Dr. Mohit Mishra, Dr. Dharmendra Kr Dubey, “The impact of environmental regulations on agriculture”, *International Journal of Advanced Research in Science, Communication and Technology (IJARSCT)*, Vol. 3(2), 2023
- [11] Pinyi Su, Muhammad Imran, Muhammad Nadeem, Shamsheer ul Haq, “The role of environmental law in farmers’ environment-protecting intentions and behavior based on their legal cognition: A case study of Jiangxi Province, China”, *Journal Sustainability*, Vol.15(11), 2023, DOI: <https://doi.org/10.3390/su15118571>
- [12] Alon Tal, “To make a desert bloom: The Israeli agricultural adventure and the quest for sustainability”, *Journal Agricultural History*, Vol. 81(2), 2007, DOI: <https://www.jstor.org/stable/4617826>
- [13] Khuat Hong Thuan, Dinh Tran Ngoc Hien, Dinh Tran Ngoc Huy, Le Ngoc Nuong, “Legal issues on environment protection and sustainable agriculture – A case in the northern regions of Vietnam”, *Journal of Law and Sustainable Development*, Vol. 11(6), 2023, DOI: <https://doi.org/10.55908/sdgs.v11i6.1219>
- [14] Tạ Thị Thùy Trang, “Một số bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 23(399), 2019 [trans: Ta Thi Thuy Trang, “Some Limitations in Environmental Protection Laws on Wastewater Treatment”, *Legislative Studies Journal*, Vol. 399(23), 2019]